TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU** Bản án số: 11/2019/KDTM-ST Ngày 01 tháng 7 năm 2019 V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phượng

Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Xuân Miện.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 08/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 20/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-KDTM ngày 28/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 18/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH CVN. Địa chỉ: Lô D – 4R – CN, KCN Mỹ Phước B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Ông Vũ Tiến D, sinh năm: 1984, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH SM. Địa chỉ: Đường số 12 Khu Công Nghiệp Đ, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là: Bà Mai Thị T, sinh năm: 1979 và ông Nguyễn Văn H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/02/2019). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2018, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Tiến D trình bày:

Ngày 07/10/2014, Công ty TNHH CVN và Công ty TNHH SM có thỏa thuận về việc mua bán sơn qua thư điện tử (Email). Việc mua bán hai bên thỏa thuận trên từng đơn đặt hàng riêng biệt và không liên quan đến bất kỳ hợp đồng kinh tế nào khác, điều này được thể hiện trên mỗi đơn đặt hàng của Công ty TNHH SM tại mục số hợp đồng "N.A" và "N.A" là viết tắt của từ "Not applicabler/Notavailable" có nghĩa là không áp dụng. Ngày 31/10/2014, Công ty TNHH SM gửi đơn đặt hàng đầu tiên ký hiệu SMVPO-023942, từ đó Công ty TNHH SM tiếp tục đặt nhiều đơn hàng mua sơn của Công ty TNHH CVN. Việc giao nhận hàng đều được giao tại kho của Công ty TNHH SM, mỗi lần giao hàng đều lập biên bản giao nhận hàng và có nhân viên nhận hàng bên Công ty TNHH SM ký xác nhận đã nhận đủ hàng. Thời hạn thanh toán hai Công ty thỏa thuận là thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng, xuất hóa đơn. Hình thức thanh toán là chuyển tiền hàng vào tài khoản ngân hàng. Để thanh toán tiền hàng thì dựa trên 01 hóa đơn giá trị gia tăng đối với từng đơn hàng, 01 biên bản giao hàng bản gốc, 01 đơn hàng được xác nhận bởi hai bên bản coppy. *(Bl 250, 251 tập 07)*

Trong quá trình mua bán sơn thì Công ty TNHH SM đã thanh toán các đơn hàng từ ngày 31/10/2014 cho đến trước đơn đặt hàng ngày 16/6/2017 cho Công ty TNHH CVN, còn các đơn hàng từ sau 16/6/2017 cho đến 07/9/2017 thì Công ty TNHH SM đã nhận đủ hàng theo đơn đặt hàng nhưng chưa thanh toán, cụ thể đối với các đơn đặt hàng còn nợ chưa thanh toán là: SMVPO-037340 ngày 22/6/2017 số tiền nợ là 506.561.000đ; SMVPO-037923 ngày 10/8/2017 số tiền nợ là 393.036.600đ; SMVPO-038063 ngày 24/8/2017 số tiền nợ là 16.346.000đ; SMVPO-038121 ngày 31/8/2017 số tiền nợ là 117.150.000đ; SMVPO-038193 ngày 07/9/2017 số tiền nợ là 177.342.000đ. Tổng cộng số tiền còn nợ là 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm ba lăm ngàn sáu trăm đồng). Công ty TNHH CVN nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH SM thanh toán số tiền mua hàng còn nợ đối với 05 đơn đặt hàng nêu trên nhưng Công ty TNHH SM vẫn không thanh toán. *(Bl 250, 251 tập 07)*

Ngày 05/12/2018, Công ty TNHH CVN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH SM trả số tiền nợ mua hàng là 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm ba lăm ngàn sáu trăm đồng) và lãi suất chậm thanh toán tính từ tháng 10/2017 đến ngày 05/12/2018 là 78.678.314đ (bảy mươi tám triệu sáu trăm bảy tám ngàn ba trăm mười bốn đồng). Kể từ ngày 06/12/2018 trở về sau này Công ty TNHH CVN không yêu cầu trả bất kỳ khoản lãi suất nào đối với số tiền mà Công ty TNHH SM nợ nêu trên (lãi suất chậm thanh toán, chậm thi hành án). *(Bl 08, 09 tập 1; 250 tập 7)*

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/4/2019 Công ty TNHH SM đã thanh toán tiền nợ đối với bốn đơn hàng ký hiệu số PO 37340, PO 38121, PO 38063, PO 38193 số tiền thanh toán là 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng) cho Công ty TNHH CVN, nên chỉ còn nợ số tiền là 393.036.600đ (ba trăm chín ba triệu không trăm ba sáu ngàn sáu trăm đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán tính từ tháng 10/2017 đến ngày 05/12/2018 là 78.678.314đ. *(Bl 263 tập 9)*

Ngày 26/4/2019, Công ty TNHH CVN rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng) của bốn

đơn hàng ký hiệu PO 37340, PO 38121, PO 38063, PO 38193; Yêu cầu Công ty TNHH SM trả số tiền nợ còn lại là 393.036.600đ (ba trăm chín ba triệu không trăm ba sáu ngàn sáu trăm đồng) của đơn hàng ký hiệu PO 037923 và yêu cầu trả tiền lãi suất chậm thanh toán, nhưng thay đổi thời gian tính lãi suất từ tháng 10/2017 đến ngày 05/12/2018 thành ngày 10/10/2017 đến ngày 10/11/2018 số tiền vẫn giữ nguyên là 78.678.314đ. Từ ngày 11/11/2018 cho đến khi Công ty TNHH SM trả hết nợ thì Công ty TNHH CVN không yêu cầu Công ty TNHH SM trả bất kỳ khoản lãi suất nào đối với số tiền mà Công ty TNHH SM còn nợ nêu trên (không yêu cầu trả lãi suất chậm thanh toán, lãi suất chậm thi hành án). *(Bl 264 tập 264)*

2. Tại bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Công ty TNHH SM có giao dịch mua sơn của Công ty TNHH CVN là để sử dụng cho dự án kết cấu thép. Trong quá trình mua bán sơn với Công ty TNHH CVN thì Công ty TNHH SM đã thanh toán các đơn hàng từ ngày 31/10/2014 cho đến trước đơn đặt hàng ngày 16/6/2017, còn các đơn hàng SMVPO-037340 ngày 22/6/2017; SMVPO-037923 ngày 10/8/2017; SMVPO-038063 ngày 24/8/2017; SMVPO-038121 ngày 31/8/2017; SMVPO-038193 ngày 07/9/2017 Công ty TNHH SM đã nhận đủ số lượng sơn theo các đơn đặt hàng, nhưng Công ty TNHH SM chưa thanh toán tiền đối với các đơn đặt hàng này cho Công ty TNHH CVN. *(Bl 253 tập 7)*

Công ty TNHH SM xác nhận hiện nay còn nợ tiền mua sơn của Công ty TNHH CVN là 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm ba lăm ngàn sáu trăm đồng), cụ thể đối với các đơn đặt hàng còn nợ chưa thanh toán là: SMVPO-037340 ngày 22/6/2017 số tiền nợ là 506.561.000đ; SMVPO-037923 ngày 10/8/2017 số tiền nợ là 393.036.600đ; SMVPO-038063 ngày 24/8/2017 số tiền nợ là 16.346.000đ; SMVPO-038121 ngày 31/8/2017 số tiền nợ là 117.150.000đ; SMVPO-038193 ngày 07/9/2017 số tiền nợ là 177.342.000đ. Tổng cộng số tiền còn nợ là 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm ba lăm ngàn sáu trăm đồng). *(Bl 253 tập 7)*

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/4/2019 Công ty TNHH SM đã thanh toán cho Công ty TNHH CVN số tiền nợ là 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng). Hiện nay Công ty TNHH SM chỉ còn nợ số tiền là 393.036.600đ (ba trăm chín ba triệu không trăm ba sáu ngàn sáu trăm đồng) đối với đơn hàng SMVPO-037923. Về số tiền lãi là 78.678.314đ (bảy mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm mười bốn đồng) mà Công ty TNHH CVN yêu cầu Công ty TNHH SM trả là đúng và phù hợp. Tuy nhiên, do tình hình tài chính của Công ty hiện rất khó khăn nên Công ty không có khả năng trả số tiền 393.036.600đ cho Công ty TNHH CVN và đề nghị không tính số tiền lãi là 78.678.314đ. *(Bl 253 tập 7, 258 tập 8 và biên bản phiên tòa)*

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận có việc mua bán sơn và bị đơn thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn số tiền là 393.036.600đ của đơn đặt hàng SMVPO-037923 nên đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 393.036.600đ và tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 10/2017 đến ngày 09/11/2018 của số tiền 1.210.435.600đ là 78.678.314đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH CVN khởi kiện Công ty TNHH SM có địa chỉ trụ sở tại Đường số 12 Khu Công Nghiệp Đ, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty TNHH CVN yêu cầu Công ty TNHH SM trả số tiền nợ mua sơn và tiền lãi suất chậm thanh toán nên đây là quan hệ về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu rút một phần khởi kiện đối với số tiền 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng) của Công ty TNHH CVN thì thấy: Công ty TNHH CVN và Công ty TNHH SM có giao dịch mua bán mặt hàng sơn nhiều lần với nhau. Việc mua bán hai bên đặt hàng, giao nhận hàng và thanh toán cho nhau theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, cả Công ty TNHH CVN và Công ty TNHH SM đều xác nhận Công ty TNHH SM còn nợ số tiền 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm ba lăm ngàn sáu trăm đồng) của 05 đơn đặt hàng là SMVPO-037340 ngày 22/6/2017; SMVPO-037923 ngày 10/8/2017; SMVPO-038063 ngày 24/8/2017; SMVPO-038121 ngày 31/8/2017; SMVPO-038193 ngày 07/9/2017.

[2.1] Ngày 16/4/2019, Công ty TNHH SM đã tự nguyện thanh toán số tiền là 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng) đối với bốn đơn hàng PO 37340, PO 38121, PO 38063, PO 38193 cho Công ty TNHH CVN. Công ty TNHH CVN xác nhận đã nhận đủ số tiền 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng). Do đó, ngày 26/4/2019 Công ty TNHH CVN có đơn rút một phần khởi kiện đối với số tiền 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng), nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. *(Bl 256, 258 tập 8, Bl 263, 264 tập 9)*

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CVN buộc Công ty TNHH SM trả số tiền còn nợ là 393.036.600đ (ba trăm chín ba triệu không trăm ba sáu ngàn sáu trăm đồng) của đơn hàng ký hiệu PO 037923: Theo Công văn số 20190417 ngày 17/4/2019 của Công ty TNHH SM có nội dung "Theo yêu cầu của nguyên đơn phải trả đầy đủ số tiền 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm ba lăm ngàn sáu trăm đồng) … nhưng nay tình hình tài chính của Công ty TNHH SM rất khó khăn nên chỉ trả được 817.758.656đ… Số tiền còn lại là 392.676.944đ". Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn xác nhận là do bị đơn trừ cả phí chuyển tiền là 359.656đ mà ngày 16/4/2019 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 817.399.000đ nên mới còn số tiền là 392.676.944đ như trong Công văn trên. Nay tại Tòa bị đơn xác nhận còn nợ nguyên

đơn số tiền là 393.036.600đ của đơn hàng có ký hiệu PO 037923. *(Bl 256, 258 tập 8 và biên bản phiên tòa)*

[3.1] Tại Tòa đại diện Công ty TNHH SM cho rằng hiện nay Công ty TNHH SM đang rất khó khăn về tài chính nên không có khả năng trả số tiền còn nợ là 393.036.600đ cho nguyên đơn. Xét lý do đại diện Công ty TNHH SM đưa ra là không thuyết phục và không có cơ sở để chấp nhận. *(Biên bản phiên tòa)*

[3.2] Như phân tích nhận định nêu trên thì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH SM xác nhận Công ty TNHH SM có mua sơn của Công ty TNHH CVN và xác nhận hiện nay còn nợ số tiền là 393.036.600đ của đơn hàng ký hiệu PO 037923, nên theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự bên mua hàng là Công ty TNHH SM phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua sơn cho Công ty TNHH CVN. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CVN buộc Công ty TNHH SM trả số tiền còn nợ là 393.036.600đ (ba trăm chín ba triệu không trăm ba sáu ngàn sáu trăm đồng) đối với đơn hàng ký hiệu PO 037923 là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Hai bên không cam kết việc tính tiền lãi chậm thanh toán trong các đơn đặt hàng, nhưng theo quy định pháp luật những vấn đề không có trong hợp đồng (đơn đặt hàng) thì sẽ áp dụng quy định chung. Điều 306 Luật thương mại quy định nếu bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Do đó, nguyên đơn Công ty TNHH CVN yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH SM phải chịu lãi chậm trả được chấp nhận xem xét.

[4.1] Về thời điểm tính lãi: Công ty TNHH CVN và Công ty TNHH SM thỏa thuận thời hạn thanh toán đối với từng đơn hàng là 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng, xuất hóa đơn *(Bl 33, 44, 53, 62, 73 tập 3).* Cả nguyên đơn, bị đơn thừa nhận đã giao nhận hàng, nhận hóa đơn của từng đơn hàng nêu trên, cụ thể: Đơn hàng SMVPO-037340 ngày 22/6/2017 ngày giao hàng và xuất hóa đơn là ngày 22/6/2017; SMVPO-037923 ngày 09/8/2017 ngày giao hàng và xuất hóa đơn là ngày 10/8/2017; SMVPO-038063 ngày 24/8/2017 xuất hóa đơn là ngày 24/8/2017 còn ngày giao hàng là 25/8/2017; SMVPO-038121 ngày 31/8/2017 ngày giao hàng và xuất hóa đơn là ngày 31/8/2017; SMVPO-038193 ngày 07/9/2017 xuất hóa đơn là ngày 08/9/2017 còn giao hàng là ngày 09/9/2017. *(Bl 250, 251, 253 tập 7 và biên bản phiên tòa)*

[4.2] Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất theo từng thời điểm vi phạm thời hạn thanh toán đối với từng đơn hàng nêu trên mà nguyên đơn tính thời điểm vi phạm thời hạn thanh toán của 05 đơn hàng trên là kể từ ngày 10/10/2017 tức là hết thời hạn 30 ngày của đơn hàng cuối cùng là SMVPO-038193 ngày 07/9/2017 xuất hóa đơn là ngày 08/9/2017, giao hàng là ngày 09/10/2017. Xét thấy thời điểm yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán đối với 05 đơn đặt hàng nêu trên kể từ ngày 10/10/2017 đối với số tiền nợ là 1.210.435.600đ (một tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm

ba lăm ngàn sáu trăm đồng) của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận và chấp nhận xem xét. *(Bl 08, 09 tập 1, 250 tập, 264 tập 9 và biên bản phiên tòa)*

[5] Về thời gian chịu lãi chậm trả: Như phân tích nêu trên, số tiền 1.210.435.600đ của 05 đơn đặt hàng nêu trên có thời gian chậm trả tính từ ngày 10/10/2017 đến ngày 10/11/2018 là 13 tháng, thuộc loại vay trung hạn.

Kể từ ngày 11/11/2018 cho đến khi Công ty TNHH SM trả hết nợ thì Công ty TNHH CVN không yêu cầu Công ty TNHH SM trả bất kỳ khoản lãi suất nào đối với số tiền mà Công ty TNHH SM còn nợ (lãi suất chậm thanh toán, lãi suất chậm thi hành án).

[6] Về mức lãi suất áp dụng:

[6.1] Điều 306 Luật thương mại quy định nếu bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17-10-2016 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là trung bình của ba ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[6.2] Theo cung cấp của ba ngân hàng là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank) cho Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi suất cụ thể như sau:

[6.2.1] Ngân hàng Agribank: Mức lãi quá hạn loại vay trung hạn là 15,0%/năm *(tính trung bình) (Bl 271)*;

[6.2.2] Ngân hàng Vietcombank: Mức lãi quá hạn loại vay trung hạn là 150% của 10,4% (tính trung bình) (Bl 275, 276)

[6.2.3] Ngân hàng Viettinbank: Mức lãi quá hạn loại vay trung hạn là 150% của 10,25% (tính trung bình) (Bl 273);

[6.2.4] Như vậy, mức lãi quá hạn trung bình của khoản nợ 1.210.435.600đ là 10.16%/năm [15,0% + ((10,4% + 10,25%)/2 x 150%)/3].

[6.3] Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn tự nguyện đồng ý mức lãi chậm thanh toán là 6%/năm. Không yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định như đã phân tích nêu trên là 10,16%/năm. Xét thấy việc nguyên đơn đồng ý mức lãi suất 6%/năm thấp hơn so với mức lãi suất trung bình theo quy định là 10,16%/năm và việc nguyên đơn yêu cầu mức lãi 6%/năm là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận áp dụng mức lãi suất 6%/năm.

[7] Theo đó tiền lãi được tính cụ thể như sau: Đối với số tiền 1.210.435.600đ thời gian tính lãi từ ngày 10/10/2017 đến 10/11/2018 là 13 tháng (390 ngày). Số tiền lãi là 78.678.314đ (1.210.435.600đ x 6% : 360 ngày x 390 ngày).

[8] Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 471.714.914đ (393.036.600đ + 78.678.314đ).

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH CVN đối với số tiền là 817.399.000đ (tám trăm mười bảy triệu ba trăm chín chín ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH CVN đối với bị đơn Công ty TNHH Strategic Marine.

Công ty TNHH SM phải thanh toán cho Công ty TNHH CVN số tiền tổng cộng là 471.714.914đ (bốn trăm bảy mốt triệu bảy trăm mười bốn ngàn chín trăm mười bốn đồng), trong đó tiền nợ là 393.036.600đ (ba trăm chín ba triệu không trăm ba sáu ngàn sáu trăm đồng) và tiền lãi tính đến ngày 10/11/2018 là 78.678.314đ (bảy mươi tám triệu sáu trăm bảy tám ngàn ba trăm mười bốn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty TNHH CVN không yêu cầu bị đơn Công ty TNHH SM phải trả lãi chậm trả kể từ ngày 10/11/2018 đến khi xét xử sơ thẩm và không phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH SM phải chịu là 22.868.596đ (Hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm chín sáu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho nguyên đơn Công ty TNHH CVN là 25.300.000đ (hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010339 ngày 08/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phượng